

Bản án số: 262/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Đình Minh Phương

Bà Lê Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10732/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K N, sinh năm 1958; địa chỉ: Số A đường B, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1956; địa chỉ: Số A đường B, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K N trình bày: Bà và ông Nguyễn Đình T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1986 nhưng không tổ chức lễ cưới, đến năm 2014 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nảy sinh nhiều mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống. Bà cho rằng mình bị ông T bạo hành về tinh thần. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể duy trì đời sống hôn nhân nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Nguyễn Đình Q M, sinh

ngày 11/01/1989, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày: Thống nhất về quá trình về chung sống và đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà N. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì hiện nay ông đang bệnh nặng nên muốn có người bầu bạn cuối đời. Đồng thời, lo lắng việc phát sinh việc chia tài sản sau khi ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với lời khai của bà N.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà N trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã rất lâu nhưng không hàn gắn được; ông T thiếu trách nhiệm, không chăm lo cho vợ con; nay con chung đã trưởng thành và bà nhận thấy không thể chung sống nữa nên mới nộp đơn xin ly hôn. Bà kiên quyết ly hôn để tự do, thỏa mái về tinh thần trong những năm cuối đời.

Ông T trình bày: Mâu thuẫn gia đình xuất phát từ việc bà N không ghi nhận đóng góp của ông cho gia đình, vợ con. Trước đây, bà N có thu nhập cao, ông có thu nhập thấp nên ông không góp tiền cho bà N hàng tháng nhưng vẫn phụ công việc nhà, mua sắm đồ cho con, góp tiền cho con khi cần. Đến nay thì cả hai đã lớn tuổi, nhiều bệnh tật nên cần chung sống và chăm sóc lẫn nhau. Do đó, ông vẫn không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị K N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đình T đang cư trú tại Quận 1. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn Số 235/2014, Quyền số 02, đăng ký ngày 19/11/2014 tại Ủy ban

nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà N: Căn cứ vào lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng bà N và ông T là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn trong giao tiếp, không thể cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Bà N kiên quyết ly hôn; ông T không đồng ý ly hôn nhưng các lý do đưa ra để không đồng ý ly hôn là không thuyết phục, không xuất phát từ mong muốn xây đắp hạnh phúc giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình của vợ chồng bà N, ông T diễn ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K N về việc ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

[4] Về con chung: Bà N và ông T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đình Q M, sinh ngày 11/01/1989, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

[5] Về tài sản: Bà N và ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[8] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K N được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Bà N và ông T có một con chung là Nguyễn Đình Q M, sinh ngày 11/01/1989, đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông T không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà N và ông T xác định không có nợ chung, không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Bà N được miễn án phí.

6. Bà N, ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- THADS Q.1
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thế Đông